



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thử nghiệm chất lượng

Laboratory: Quality of testing laboratory

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương

Organization: Central plant protection joint - stock company no.1

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

Người quản lý: Đỗ Tiến Công

Laboratory manager: Do Tien Cong

Số hiệu/ Code: VILAS 1178

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /04/2025 đến ngày /04/2030

Địa chỉ/ Address: Số 145 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Địa điểm/Location: Tầng 4, Số 145 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại/ Tel: 024.38572764

E-mail: psc1@psc1.com

Website: psc1.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 1178****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc bảo vệ thực vật dạng: WP, WG, SC <i>Pesticide formulations: WP, WG, SC</i>	Xác định tỷ suất lơ lửng <i>Determination of suspensibility</i>	-	TCVN 8050:2016
2.	Thuốc bảo vệ thực vật dạng: WP, WG, SP <i>Pesticide formulations: WP, WG, SP</i>	Xác định khả năng thấm ướt <i>Determination of wettability</i>	-	TCVN 8050:2016
3.	Thuốc BVTV dạng: WP, WG, SC, EC, EW, ME, SP, SL <i>Pesticide formulations: WP, WG, SC, EC, EW, ME, SP, SL</i>	Xác định độ bọt <i>Determination of persisten foam</i>	-	TCVN 8050:2016
4.	Thuốc bảo vệ thực vật dạng: WG <i>Pesticide formulations: WG</i>	Xác định độ phân tán <i>Determination of dispersibility</i>	-	TCVN 8050:2016
5.	Thuốc bảo vệ thực vật dạng: WP, WG, SC <i>Pesticide formulations: WP, WG, SC</i>	Xác định độ mịn (rây ướt) <i>Determination of Particulate property (wet sieve test)</i>	-	TCVN 8050:2016
6.	Thuốc bảo vệ thực vật dạng: EC <i>Pesticide formulations: EC</i>	Xác định độ bền nhũ tương <i>Determination of emulsion stability</i>	-	TCVN 8382:2010
7.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng Atrazine Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Atrazine content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	0,8 %	TCVN 10161:2013

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1178

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng Butachlor Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Butachlor content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	0,2 %	TCVN 11735:2016
9.		Xác định hàm lượng Fenobucarb Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Fenobucarb content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	1,6 %	TCVN 8983:2011
10.		Xác định hàm lượng Isoprothiolane Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Isoprothiolane content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	0,2 %	TCVN 8749:2014
11.		Xác định hàm lượng Pretilachlor Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Pretilachlor content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	0,8 %	TCVN 8144:2009
12.		Xác định hàm lượng Fenclorim Phương pháp sắc ký khí-đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Fenclorim content</i> <i>Gas chromatography method</i>	1,1 %	TCCS 640:2017/BVTV
13.		Xác định hàm lượng Propiconazole Phương pháp sắc ký khí -đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Propiconazole content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	2 %	TCCS 22:2011/BVTV
14.		Xác định hàm lượng Difenconazole Phương pháp sắc ký khí--đầu dò FID <i>Determination of active ingredient Difenconazole content</i> <i>FID detector- Gas chromatography method</i>	1,4 %	TCCS 03/2003-CL
15.		Xác định hàm lượng Glufosinate ammonium Phương pháp HPLC-đầu dò UV <i>Determination of active ingredient Glufosinate ammonium content</i> <i>UV detector-HPLC method</i>	1%	TCCS 203:2014/BVTV

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/Vietnamese Standard

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1178

- TCCS: tiêu chuẩn do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành/*method issued by Plant Production and Protection Department*

Trường hợp Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Central plant protection joint - stock company no.1 that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

